

Bản án số: 53/2018/DSPT.

Ngày: 09/10/2018

V/v: *Bồi thường thiệt hại về tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Dương Thị Liên.
- **Các thẩm phán:** Ông Nguyễn Văn Quế và Ông Nguyễn Văn Năm.
- **Đại diện VKS tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Dương Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên .

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2018/TLPT-DS ngày 06/7/2018 về việc “Bồi thường thiệt hại về tài sản”, do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXX-PT ngày 02/8/2018, giữa các đương sự :

Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1962.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị C - Vợ của ông C;

- Bà Dương Thị C, sinh năm 1964 ;

Cùng địa chỉ: Xóm TT, xã OL, huyện PL, tỉnh TN.

(Bà C có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1987.

Người đại diện theo ủy quyền của anh G: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1952 và chị Vũ Thị T, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Xóm TT, xã OL, huyện PL, tỉnh TN.

(Chị T có mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn là Ông C và bà C trình bày: Ngày 20/4/2011 anh Nguyễn Văn G trú tại thôn TT, xã OL, huyện PL, tỉnh TN trong khi đốt dọn bãi chè nằm liền kề với đồi keo nhà ông bà đã để lửa cháy lan sang đồi keo tai tượng 04 năm tuổi của gia đình ông bà. Người dân trong xóm cùng với công an viên và các lực lượng khác đã đến dập lửa giúp nhưng do thời tiết hanh khô, nắng nóng nên ngọn lửa vẫn lan rộng. Hậu quả, đồi keo nhà ông bị cháy với diện tích 0,3 ha, số cây keo đếm khi đó là khoảng 500 cây, do keo bị cháy nham nhở nên gia đình ông bà không bán gỗ được mà chỉ mang về chặt làm củi xao chè.

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình anh G đã đến thỏa thuận với gia đình ông, tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/10/2011 sẽ bồi thường xong. Nhưng quá thời hạn trên anh G không bồi thường. Cho đến nay, gia đình ông bà mới nhận được 2.000.000 đồng tiền bồi thường từ phía nhà anh G. Nay ông C và bà C đề nghị Tòa án buộc anh G phải có trách nhiệm bồi thường số cây keo đó.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn G trình bày:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/4/2011 anh đi hái chè trong khu Thảm Rạng thuộc xóm TT, xã OL, huyện PL, tỉnh TN, do cạnh bãi chè nhà anh có mảnh đất bỏ hoang đã phát khô nên tranh thủ đốt để trồng keo, nhưng do trời nắng to, hanh khô, có gió nên lửa đã cháy lan sang bãi keo của nhà ông C, anh đã gọi điện về cho mẹ anh để báo cho mọi người lên dập lửa, mẹ anh đã gọi điện báo cho chính quyền địa phương, sau đó bà con hàng xóm cùng lực lượng dân quân tự vệ xã đã dập tắt được đám cháy. Do gia đình ông C đòi mức bồi thường quá cao nên anh không nhất trí, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – chị Vũ Thị T trình bày:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/4/2011 chồng chị là anh Nguyễn Văn G đi hái chè trong khu Thảm Rạng (Thảm Mỹ), do cạnh bãi chè có mảnh đất bỏ hoang đã phát khô nên tranh thủ đốt để trồng keo, nhưng do trời nắng to, hanh khô, có gió và do rừng keo nhà ông C đã khai thác một phần để lại cành khô, lá

khô nên tàn lửa mới bùng cháy lại và lan sang bãi keo của nhà ông C. Hậu quả làm cháy 194 cây keo 04 năm tuổi của gia đình ông C, bà C.

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình chị có thỏa thuận bồi thường cho gia đình ông C số tiền là 15.000.000 đồng, khi gia đình chị mang 5.000.000 đồng vào đưa trước nhưng ông C, bà C không nhất trí. Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm lần thứ nhất, gia đình chị đã đưa cho ông C, bà C số tiền 2.000.000 đồng.

Chị cho rằng yêu cầu đòi bồi thường của gia đình bà C là quá cao nên không nhất trí, hơn nữa phần cây bị lửa làm chết khô gia đình bà C đã tận thu về làm củi, chị đề nghị được đối trừ vào phần thiệt hại phải bồi thường để đảm bảo quyền lợi cho gia đình chị.

Quá trình giải quyết:

- Ngày 16/4/2013, Tòa án nhân dân huyện PL đã tiến hành định giá tài sản đối với số cây keo bị cháy xác định giá trị thiệt hại là 21.329.000 đồng.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm (lần 1) số 02/2013/DSST ngày 26/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện PL đã T xử: *“Buộc anh Nguyễn VănG và gia đình ông T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Duy C, bà Dương Thị C số tiền là 19.329.000 đồng (Mười chín triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng)”*. Ngoài ra bản án còn T về nghĩa vụ chịu án phí, lệ phí định giá và những vấn đề khác theo quy định.

Không nhất trí với bản án nên anhG đã kháng cáo.

- Tại bản án dân sự phúc thẩm số 38/2013/DSPT ngày 19/9/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã T hủy bản án sơ thẩm số 02/2013/DSST ngày 26/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện PL vì lý do:

+ Biên bản định giá không đúng và đủ thành phần như trong Quyết định định giá số 02 ngày 9/4/2013. Vi phạm khoản 5 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2005. Biên bản định giá cũng không thể hiện rõ các căn cứ để xác định thiệt hại

+ Bị đơn là anhG cho rằng ông C, bà C đã khai thác thu hoạch một phần cây tại bãi cây trước khi có vụ hỏa hoạn xảy ra, tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa điều tra xác minh làm rõ.

+ Anh Nguyễn VănG là người đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, có đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Nhưng án sơ thẩm T buộc cả ông T và gia đình phải bồi thường dân sự cho gia đình ông C, bà C là không đúng quy định.

- Ngày 28/4/2014, Tòa án nhân dân huyện PL đã thụ lý giải quyết lại vụ án.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện PL đã T: “*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy C và bà Dương Thị C đối với anh Nguyễn Văn G về việc đòi bồi thường thiệt hại tài sản.*”

1. Về trách nhiệm bồi thường: Buộc anh Nguyễn Văn G bồi thường cho ông Nguyễn Duy C và bà Dương Thị C (do bà C đại diện) số tiền là 19.076.000 đồng. Đã bồi thường 2.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp là: 17.076.000 đồng (mười bảy triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)”.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc anh Nguyễn Văn G hoàn trả cho bà Dương Thị C số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn G phải chịu 853.500 đồng (*Tám trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng*) án phí DSST sung quỹ Nhà nước.

Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003552 ngày 17/8/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL.

Ngoài ra, bản án còn T về án phí, chi phí thẩm định giá và lãi suất chậm thi hành án.

Ngày 07/6/2018 anh G làm đơn kháng cáo không nhất trí với bản án với lý do:

- Tòa án chưa chứng minh được cụ thể số cây bị cháy 2 bên đang tranh chấp là 500 cây hay 194 cây mà tòa đã T án bị đơn phải bồi thường số cây là 500 cây anh không nhất trí.

- Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/5/2018, Tòa án đã không triệu tập nhân chứng để đối chất tại phiên tòa.

- Trong lần định giá tài sản diễn ra tại xã OL, hội đồng thẩm định đã định giá ước lượng 500 cây là khoảng 6.000.000 đồng với giá làm củi, nhưng khi xét xử tại phiên tòa thì lại tính giá cây sinh trưởng với mức giá là 24.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của anhG vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo

Căn cứ vào các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh TN, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của anhG kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm

Tại phiên tòa, vắng mặt những người làm chứng, căn cứ theo quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt những người làm chứng.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

Ông C, bà C trồng keo tai tượng trên thửa đất số 105, tờ bản đồ số 3 vị trí đất thuộc khoảnh 2, tiểu khu 51, loại đất RTS tại xóm TT, xã OL, huyện PL, tỉnh TN. Việc trồng keo là ông bà tự trồng theo quy mô nhỏ. AnhG đốt bãi cỏ khô gần bãi chè của gia đình mình, do chủ quan đã để lửa cháy lan sang đồi keo tai tượng nhà ông C, bà C. Hậu quả làm cho đồi keo của ông C, bà C bị cháy khoảng 0,3 ha cây keo đã trồng được 4 năm tuổi. AnhG và người được anhG ủy quyền là chị T cũng đã thừa nhận nguyên nhân dẫn đến sự việc cháy rừng keo của gia đình anh C là do lỗi của bản thân anhG gây ra và nhất trí bồi thường thiệt hại nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anhG phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình anh C, chị C là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của anhG cho rằng thiệt hại xảy ra chỉ có 194 cây mà không phải là 500 cây keo, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì thấy sự việc cháy rừng xảy ra vào 13 giờ 30 phút ngày 20/4/2011, sau khi sự việc xảy ra các cơ quan chức năng và UBND xã OL đến lập biên bản sự việc xác định thiệt hại, người gây ra thiệt hại và số lượng tài sản bị thiệt hại, tại biên bản có ghi người gây ra cháy rừng là anh Nguyễn VănG, gia đình bị thiệt hại là ông Nguyễn Duy C, loại cây bị cháy là cây keo trồng được 4 năm tuổi, diện tích bị cháy là 0,3 ha. Tại Biên bản tự nguyện thỏa thuận giải quyết ngày 21/4/2011 do ban xóm TT, xã OL lập đã xác định: *“Cháy rừng keo, diện tích khoảng 0,3ha, tương ứng khoảng 500 cây đã 4 năm tuổi, qua kiểm tra thực tế thiệt hại hai bên thống nhất thỏa thuận anhG bồi thường cho ông C 15.000.000 đồng”*. Biên bản này có đầy đủ chữ ký của đại diện hai bên gia đình là anh G – người gây ra vụ cháy, bà Phan Thị Gia – mẹ đẻ của anhG và ông C – người bị thiệt hại tài sản. bản thân anhG cũng đã thừa nhận số cây keo bị cháy là khoảng 500 cây Như vậy Tòa án

cấp sơ thẩm buộc anh G phải bồi thường toàn bộ thiệt hại với giá trị tiền tương ứng với 500 cây do hội đồng định giá là có căn cứ đúng pháp luật, kháng cáo của anh G không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét kháng cáo của anh G về việc triệu tập người làm chứng để đối chất tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ tại phiên tòa sơ thẩm đã triệu tập người làm chứng, tuy nhiên những người làm chứng này đã có lời khai trong hồ sơ nếu cần thiết Hội đồng xét xử công bố lời khai đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm căn cứ vào điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người làm chứng là có căn cứ đúng pháp luật, kháng cáo của anh G không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra anh G còn kháng cáo không nhất trí với việc định giá và cho rằng Hội đồng định giá đã xác định số lượng 500 cây keo với giá củi là 5.674.000 đồng nhưng khi ra phiên tòa lại xác định 500 cây keo với giá sinh trưởng là 24.750.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì thấy: việc Hội đồng định giá 500 cây keo với giá củi là 5.674.000 đồng và định giá số 500 cây keo tai tượng 4 năm tuổi khi đang sinh trưởng bình thường (không bị cháy) với giá 49.500 đồng/cây là phù hợp, đúng theo Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá của 500 cây keo tai tượng 4 năm tuổi đang sinh trưởng (chưa bị cháy) để đảm bảo quyền lợi cho ông C, bà C và xác định giá 500 cây keo tai tượng theo giá củi (do ông C, bà C tận thu chặt về làm củi) để trừ nghĩa vụ bồi thường phần tiền còn lại đảm bảo quyền lợi cho anh G là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, hợp tình hợp lý, kháng cáo của anh G không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị bác kháng cáo của anh G, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện PL là có căn cứ.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 các Điều 147, 148, 157, 158, 165, 166, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 604, 607, 608 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của HĐTP TAND tối cao; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn G, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh TN.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy C và bà Dương Thị C đối với anh Nguyễn Văn G về việc đòi bồi thường thiệt hại tài sản.

1. Về trách nhiệm bồi thường: Buộc anh Nguyễn Văn G bồi thường cho ông Nguyễn Duy C và bà Dương Thị C (Do bà C đại diện) số tiền là 19.076.000 đồng. Đã bồi thường 2.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp là: 17.076.000 đồng (*Mười bảy triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc anh Nguyễn Văn G hoàn trả cho bà Dương Thị C số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn G phải chịu 853.500 đồng (*Tám trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng*) án phí DSST sung quỹ Nhà nước.

Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003552 ngày 17/8/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL.

4. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSPT sung quỹ Nhà nước, đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số 0018566 ngày 19/6/2018 tại Chi cục Thi hành án huyện PL.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày T án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND H.PL;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS H. PL;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa Dân sự.

Dương Thị Liên